

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học năm học 2016 - 2017

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo			Cao đẳng	Trình độ khác
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
	Tổng số giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên	368	2	7	31	169	114	10	35
1	Giảng viên	258	2	7	31	169	49	0	0
	Khối ngành III	71	0	2	7	56	6	0	0
	Khối ngành V	173	2	5	22	103	41	0	0
	Môn chung	14	0	0	2	10	2	0	0
2	Cán bộ quản lý và nhân viên	140	0	3	4	16	72	10	35
	Cán bộ quản lý	9	0	3	1	1	4	0	0
	Trong đó: Kiêm nhiệm giảng dạy	5	0	3	1	1	0	0	0
	Cán bộ hành chính, nghiệp vụ	106	0	0	3	15	68	10	10
	Trong đó: Kiêm nhiệm giảng dạy	25	0	0	3	15	7	0	0
	Nhân viên	25	0	0	0	0	0	0	25

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Cao Hào Thi

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
X	Xưởng thực tập, thực hành		
1	Diện tích	m ²	1.896
2	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)	thiết bị	329
XI	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý		
1	Số sinh viên ở trong KTX	sinh viên	418
2	Diện tích	m ²	1.320
3	Số phòng	phòng	21
4	Diện tích bình quân/sinh viên	m ² /sinh viên	3,16
XII	Diện tích nhà ăn sinh viên thuộc cơ sở đào tạo quản lý	m ²	480
XIII	Diện tích nhà văn hóa	m ²	
XIV	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m ²	
XV	Diện tích bể bơi	m ²	
XVI	Diện tích sân vận động	m ²	5.783

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG 



PGS. TS. Cao Hào Thi

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2016 - 2017

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
I	Diện tích đất đai cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	ha	2
II	Số cơ sở đào tạo	cơ sở	1
III	Diện tích xây dựng	m ²	30.694
IV	Giảng đường/ phòng học		
1	Số phòng học	phòng	91
2	Diện tích	m ²	8.250
V	Diện tích hội trường	m ²	1.115
VI	Phòng máy tính		
1	Diện tích	m ²	1.310
2	Số máy tính sử dụng được	máy tính	486
3	Số máy tính nối mạng ADSL	máy tính	486
VII	Phòng học ngoại ngữ		
1	Số phòng học	phòng	1
2	Diện tích	m ²	62
3	Số thiết bị đào tạo ngoại ngữ chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)	thiết bị	98
VIII	Thư viện		
1	Diện tích	m ²	686
2	Số đầu sách	quyển	15.145
IX	Phòng thí nghiệm		
1	Diện tích	m ²	2.258
2	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)	thiết bị	1.858

STT	Nội dung	Khóa học	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp Đợt 1		Phân loại tốt nghiệp (%)			Số sinh viên đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương, doanh nghiệp	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 - 3 tháng ra trường	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp học chuyển tiếp lên thạc sĩ, tiến sĩ
				Tổng	Tỷ lệ phần trăm	Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá			
	Công nghệ thực phẩm	2015	35	33	94,29%	-	-	36,36%	-	80,95%	-
	Quản trị kinh doanh	2015	173	121	69,94%	-	1,65%	26,45%	-	92,59%	4,94%
	Kỹ thuật công trình xây dựng	2015	273	153	56,04%	-	1,31%	33,99%	-	86,67%	0,95%
	Thiết kế công nghiệp	2015	7	5	71,43%	-	40,00%	60,00%	-	80,00%	-
			593	370	62,39%	0,00%	3,24%	31,35%	0,00%	88,85%	1,96%
IV	Liên thông đại học vừa làm vừa học (2 năm)										
	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	2015	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2015	3	3	100,00%	-	-	-	-	66,67%	-
	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	2015	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Công nghệ thông tin	2015	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Công nghệ thực phẩm	2015	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Quản trị kinh doanh	2015	1	1	100,00%	-	-	-	-	100,00%	-
	Kỹ thuật công trình xây dựng	2015	2	-	-	-	-	-	-	-	-
	Thiết kế công nghiệp	2015	2	-	-	-	-	-	-	-	-
			8	4	50,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	83,34%	0,00%

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2017



PGS, TS. Cao Hào Thi

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2016 - 2017

STT	Nội dung	Khóa học	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp Đạt I		Phân loại tốt nghiệp (%)			Số sinh viên đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương, doanh nghiệp	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 - 3 tháng ra trường	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp học chuyển tiếp lên thạc sĩ, tiến sĩ
				Tổng	Tỷ lệ phần trăm	Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá			
I	Đại học chính quy (4 năm)										
	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	2013	94	46	48,94%	-	4,35%	32,61%	-	84,62%	5,13%
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	66	28	42,42%	-	-	28,57%	-	96,30%	-
	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	2013	62	30	48,39%	-	10,00%	40,00%	-	72,73%	-
	Công nghệ thông tin	2013	224	79	35,27%	-	3,80%	48,10%	-	88,89%	-
	Công nghệ thực phẩm	2013	260	162	62,31%	-	-	33,95%	-	68,67%	0,67%
	Quản trị kinh doanh	2013	446	364	81,61%	-	2,20%	30,77%	-	87,22%	3,83%
	Kỹ thuật công trình xây dựng	2013	128	28	21,88%	-	-	32,14%	-	81,82%	-
	Thiết kế công nghiệp	2013	172	97	56,40%	-	5,15%	69,07%	-	90,10%	1,98%
			1452	834	57,44%	0,00%	2,52%	37,89%	0,00%	77,69%	2,31%
II	Cao đẳng chính quy (3 năm)										
	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	2014	16	3	18,75%	-	-	-	-	75,00%	-
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2014	15	7	46,67%	-	-	28,57%	-	100,00%	-
	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	2014	7	-	-	-	-	-	-	-	-
	Công nghệ thông tin	2014	60	9	15,00%	-	-	22,22%	-	77,78%	11,11%
	Công nghệ thực phẩm	2014	42	15	35,71%	-	-	46,67%	-	86,96%	30,43%
	Quản trị kinh doanh	2014	129	59	45,74%	-	-	11,86%	-	85,94%	7,81%
	Kỹ thuật công trình xây dựng	2014	25	2	8,00%	-	-	50,00%	-	100,00%	-
	Thiết kế công nghiệp	2014	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			294	95	32,31%	0,00%	0,00%	20,00%	0,00%	83,74%	11,02%
III	Liên thông đại học chính quy (2 năm)										
	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	2015	9	9	100,00%	-	11,11%	44,44%	-	100,00%	-
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2015	42	30	71,43%	-	6,67%	33,33%	-	96,30%	-
	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	2015	10	4	40,00%	-	50,00%	50,00%	-	100,00%	-
	Công nghệ thông tin	2015	44	15	34,09%	-	6,67%	6,67%	-	87,50%	-

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2016 - 2017

STT	Nội dung	Hệ đào tạo chính quy		
		Đại học	Cao đẳng	Liên thông
VIII	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ theo các ngành đào tạo	Làm việc tại các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, quản lý, đào tạo, ... thuộc mọi thành phần kinh tế. Hoặc làm chủ cơ sở trên với quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực được đào tạo.		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2017

HIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Hào Thi



THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2016 - 2017

STT	Nội dung	Hệ đào tạo chính quy		
		Đại học	Cao đẳng	Liên thông
I	Điều kiện tuyển sinh	Xét tuyển	Xét tuyển	Tốt nghiệp cao đẳng Thi tuyển sinh Xét tuyển
II	Chương trình đào tạo mà cơ sở giáo dục thực hiện	<p>Chương trình đào tạo là hệ thống kiến thức lý thuyết và thực hành được thiết kế đồng bộ với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập để đảm bảo người học tích lũy được kiến thức và đạt được năng lực cần thiết đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học.</p> <p>Thể hiện rõ trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.</p> <p>Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể được thiết kế một cách hệ thống, có sự liên thông giữa các trình độ, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng nhiệm vụ của nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.</p>		
III	Yêu cầu về thái độ học tập của người học	<p>Học tập tích cực và chủ động. Nghiêm túc và trung thực trong cử chỉ.</p> <p>Tập trung học giỏi chuyên môn và rèn luyện để phát triển các kỹ năng mềm.</p>		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của người học ở cơ sở giáo dục	<p>Hoạt động của Đoàn thanh niên, hội sinh viên, câu lạc bộ, đội nhóm, ...</p> <p>Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề giúp phát triển kỹ năng mềm.</p> <p>Hỗ trợ khác: tìm việc, thuê nhà trọ, cho vay học phí, tư vấn tâm lý, ...</p>		
V	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện, ...)	<p>Đào tạo tại một cơ sở 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.</p> <p>Cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, đầy đủ đáp ứng yêu cầu đào tạo.</p> <p>Cơ sở vật chất khác: thư viện, kỹ túc xá, sân thể thao, ... phục vụ tốt cho sinh viên.</p>		
VI	Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	<p>Có chất lượng, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy đại học và đặc biệt là có nhiều kinh nghiệm trong thực tế sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.</p> <p>Hơn 80% giảng viên có trình độ sau đại học.</p>		
VII	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>Có kỹ năng ngoại ngữ để làm việc tốt công việc chuyên môn, quản lý hoặc giao tiếp thông thường với các đối tác nước ngoài.</p>		

BIỂU TỔNG HỢP
Một số thông tin công khai của cơ sở giáo dục đại học
Năm học 2016 - 2017

STT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số
1	Số ngành trường đang đào tạo	ngành	8
2	Số ngành trường đã công bố chuẩn đầu ra	ngành	8
3	Diện tích đất của trường	ha	2
4	Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo	m ²	22.590
4.1	Diện tích giảng đường/phòng học	m ²	10.737
4.2	Diện tích thư viện	m ²	686
4.3	Diện tích phòng thí nghiệm	m ²	2.258
4.4	Diện tích nhà xưởng thực hành	m ²	1.896
5	Diện tích sàn xây dựng ký túc xá của trường	m ²	1.320
6	Tổng số giảng viên cơ hữu hợp đồng dài hạn	người	258
6.1	Giáo sư	người	2
6.2	Phó giáo sư	người	7
6.3	Tiến sĩ	người	31
6.4	Thạc sĩ	người	169
6.5	Chuyên khoa Y cấp I, II	người	-
6.6	Đại học	người	49
6.7	Cao đẳng	người	-
6.8	Trình độ khác	người	-
7	Tổng số sinh viên, học sinh hệ chính quy	người	7.537
7.1	Nghiên cứu sinh	người	-
7.2	Học viên cao học	người	24
7.3	Chuyên khoa Y cấp II	người	-
7.5	Chuyên khoa Y cấp I	người	-
7.4	Đại học	người	6.965
7.6	Cao đẳng	người	548
7.7	Trung cấp chuyên nghiệp	người	-
8	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu từ thạc sĩ trở lên	%	81,00
9	Tổng thu năm 2016	tỷ đồng	135,63
9.1	Từ ngân sách nhà nước	tỷ đồng	-
9.2	Từ học phí, lệ phí	tỷ đồng	131,43
9.3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	tỷ đồng	-
9.4	Từ nguồn khác	tỷ đồng	4,20

Lưu ý: Trình độ tiến sĩ của giáo sư và phó giáo sư không ghi vào mục 6.3 nữa, nếu ghi sẽ bị trùng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG 

 ★PGS. TS. Cao Hào Thi

III. Công khai thu chi tài chính:

1. Học phí, lệ phí và các khoản thu khác:

- Thu từ học phí, lệ phí : 131,43 tỷ đồng
- Thu từ nguồn khác : 4,2 tỷ đồng
- Tổng thu năm 2016 : 135,63 tỷ đồng

2. Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học bổng và trợ cấp:

Thực hiện theo Thông tư số 23/2001/TTLT/BTC-BLĐTBXH, Trường đã xác nhận cho sinh viên thuộc diện chính sách nhận số tiền miễn giảm tại địa phương.

Ngoài ra, trong năm học 2016 - 2017, Nhà trường đã cấp học bổng và khen thưởng cho các sinh viên vượt khó - học tập tốt, học tập tốt - rèn luyện tốt.

3. Kết quả kiểm toán năm:


Định kỳ hàng năm, Nhà trường đều thực hiện việc kiểm toán.

IV. Hình thức và địa điểm công khai:

Nhà trường đã tiến hành đăng tải các thông tin tại trang thông tin điện tử của trường, biên tập thành các tài liệu phổ biến tại khoa, phòng, ban và sinh viên để mọi người dễ dàng tiếp cận như: Niên giám, kỷ yếu, thông báo, tài liệu học tập,

Trên đây là các số liệu về thực hiện quy chế công khai được Nhà trường tổng hợp báo cáo và gửi đính kèm báo cáo này các bảng số liệu theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. HDQT (để báo cáo);
- Lưu P. HCQT. 


HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Cao Hào Thi

6. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục:

Nhà trường đã tiến hành công tác kiểm định chất lượng trường theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Theo đó, nhà trường đã ký hợp đồng thẩm định báo cáo tự đánh giá với trung tâm kiểm định ĐHQG-HCM tháng 11/2017, ký hợp đồng đánh giá ngoài với trung tâm kiểm định ĐHQG-HCM tháng 11/2017 và dự kiến thực hiện đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục tháng 01/2018.

Trường cũng tiến hành chuẩn bị hồ sơ kiểm định tất cả các ngành đào tạo trong trường theo 11 tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào tạo và 50 tiêu chí AUN.

II. Công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Cơ sở vật chất:

Nhà trường sở hữu một khuôn viên rộng 02 ha, tọa lạc tại 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8 gần trung tâm thành phố. Tại đây, khu nhà học chính được xây dựng với đầy đủ giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực tập, trung tâm máy tính, hội trường, ... Ngoài ra, trong khuôn viên trường còn có nhà ăn, sân chơi đa năng và ký túc xá với sức chứa hơn 500 chỗ.

Hệ thống thông tin trang thiết bị đồng bộ, hiện đại: website thường xuyên cập nhật, đầy đủ tính năng phục vụ công tác đào tạo, học tập và nghiên cứu khoa học. Mạng có dây cũng như mạng wifi phủ rộng toàn trường có khả năng phục vụ 3.000 người truy cập cùng 1 thời điểm.

Bố trí khu vực dành cho hoạt động và rèn luyện thể lực của sinh viên như: 1 sân bóng đá và nhiều sân bóng chuyền, sân bóng rổ.

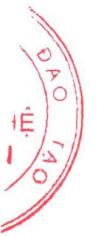
Đã hoàn thành công tác xây dựng, cải tạo đưa vào sử dụng 2 phòng học và 1 phòng giảng viên phục vụ đào tạo trình độ sau đại học, các phòng được trang bị máy lạnh, hệ thống âm thanh, ánh sáng, máy chiếu đảm bảo công tác dạy và học.

Công tác thực hiện dự án, xây dựng, mua sắm, cải tạo sửa chữa trang thiết bị đảm bảo kịp thời, đáp ứng được cho các đơn vị trong Nhà trường thực hiện tốt công tác.

2. Đội ngũ giảng viên:

Nhà trường đang hoàn thiện công tác tổ chức các chức danh đảm bảo đúng qui trình, minh bạch, công khai, dân chủ. Các cán bộ phụ trách đều đã phát huy được vai trò trong công tác quản lí, triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị mình, đã xây dựng được qui chế làm việc và phân công, phân nhiệm trong đơn vị công khai, cụ thể.

Ngoài ra, Nhà trường còn thường xuyên cử giảng viên, cán bộ, nhân viên đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ của các sở ban ngành, các viện nghiên cứu, các đơn vị đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.



STT	Tên đề tài	Tác giả	GV hướng dẫn	Khoa	Tóm tắt đề tài	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện
					nước mặt và nước dưới đất trong bối cảnh nước biển dâng do biến đổi khí hậu khu vực Sóc Trăng, đề xuất các giải pháp giảm thiểu xâm nhập mặn, khai thác hợp lý nhằm hạn chế xâm nhập mặn và phát triển bổ sung nguồn nước.		

5. Hội nghị, hội thảo khoa học:

STT	Tên chủ đề Hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm	Số lượng đại biểu tham dự
1.	Hội thảo "Trao đổi kinh nghiệm viết bài báo khoa học và công bố quốc tế"	23/09/2016	Hội trường B – Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn	500
2.	Hội thảo "Trao đổi kinh nghiệm viết đề cương nghiên cứu khoa học"	25/11/2016	Hội trường B – Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn	400
3.	Hội thảo "Các Chương trình Nghiên cứu khoa học – Phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực Khoa học Công nghệ TP. HCM giai đoạn 2016 – 2020"	28/4/2017	Phòng A310 – Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn	50
4.	Hội nghị "Giáo dục trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 – Nhận định – Cơ hội – Thách thức – Năm bắt"	8/12/2017	Hội trường B – Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn	500

STT	Tên đề tài	Tác giả	GV hướng dẫn	Khoa	Tóm tắt đề tài	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện
		Tú Lê Quang Huy			trọng công trình và trọng lượng bản thân của đất. Điều đó dẫn đến sự biến dạng và lún theo thời gian của công trình trên nền đất đó. Từng loại nền đất khác nhau sẽ có hệ số cố kết khác nhau và độ lún tương ứng theo thời gian sẽ khác nhau. Để đưa công trình vào sử dụng đúng thời gian mà chủ đầu tư đưa ra thì đơn vị thi công cần tính toán độ lún theo thời gian một cách chính xác.		
3.	Nghiên cứu mô hình giảm thiểu xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long	Lê Quốc Ân Đỗ Kỳ Nam	PGS. TS. Dương Hồng Thắm	K. KTCT	Nghiên cứu các mô hình, hiện tượng, chạy phần mềm tính toán, tiếp cận bài toán giảm thiểu xâm nhập mặn, xác định hiện trạng xâm nhập mặn	Từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017	10.000.000đ



STT	Tên đề tài	Tác giả	Khoa	Tóm tắt đề tài	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện
	tính chống oxy hóa của chế phẩm thu nhận từ bã nho			và thời gian, nhiệt độ trích ly đến khả năng chiết hợp chất polyphenol, hoạt tính chống oxy hóa và kháng khuẩn của chúng trong bã nho. Ngoài ra đề tài nghiên cứu việc tạo ra chế phẩm chống oxy hóa, kháng khuẩn ở dạng bột từ bã nho để định hướng dùng trong bảo quản thực phẩm.		

b. Đề tài Sinh viên:

STT	Tên đề tài	Tác giả	GV hướng dẫn	Khoa	Tóm tắt đề tài	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện
1.	Các yếu tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ Grab – Bike tại Tp. HCM	Nguyễn Tri Hoài Thu	ThS. Lê Minh Tài	Khoa QTKD	Đề tài nghiên cứu tập trung vào đo lường các yếu tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ Grab – Bike tại Tp. HCM	Từ tháng 07/2017 đến tháng 12/2017	10.000.000đ
2.	Sử dụng Excel lập bảng tính độ lún của nền hai lớp theo thời gian	Từ Thành Công Nguyễn Thị Huệ Anh Nguyễn Trọng	PGS. TS. Dương Hồng Thắm	Khoa KTCT	Tất cả công trình xây dựng trên nền đất đều phải chịu nhiều tác động trong đó cơ bản nhất là tác động của tải	Từ tháng 4/2017 đến tháng 10/2017	10.000.000đ

7.	Thực hành Kỹ thuật lập trình	Tài liệu tham khảo		2016
8.	Bài giảng Nhập môn cấu trúc dữ liệu	Tài liệu tham khảo		2016
9.	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	Tài liệu tham khảo		2016

4. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ

Hoạt động nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để xây dựng Trường thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu có chất lượng cao và là một hoạt động không thể thiếu trong môi trường đại học. Hoạt động nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao trình độ của giảng viên, gắn liền với công tác đào tạo, gắn liền giữa việc học lý thuyết và thực hành, gắn liền giữa nhà trường và xã hội. Không những thế hoạt động nghiên cứu khoa học trau dồi những kiến thức đã học, tạo khả năng sáng tạo và độc lập trong suy nghĩ. Điều đó đã được xác định trong mục tiêu, tầm nhìn và chiến lược của Nhà trường. Vì vậy, Trường luôn chú trọng công tác nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên.

a. Đề tài Giảng viên:

STT	Tên đề tài	Tác giả	Khoa	Tóm tắt đề tài	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện
1.	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành thiết kế đồ họa tại khoa Design trường ĐH Công nghệ Sài Gòn	TS. Đỗ Lệnh Hùng Tú	K. Design	Đề tài đề ra những giải pháp cụ thể để thay đổi, cải tiến nội dung nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành Thiết kế đồ họa tại khoa Design trường ĐH Công nghệ Sài Gòn	Từ 03/7/2017 đến 03/7/2018	30.000.000đ
2.	Nghiên cứu ảnh hưởng của các điều kiện trích ly và điều kiện sấy đến hoạt	ThS. Hoàng Thị Khánh Hồng	K. CNTP	Đánh giá hiệu quả của các loại dung môi, nồng độ dung môi, tỷ lệ bã nho với dung môi cũng như số lần trích ly	Từ tháng 7/2017 đến tháng 7/2018	30.000.000đ



tốt nghiệp. Từ kết quả nghiên cứu, nhà trường xem xét và hiệu chỉnh chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo để phù hợp với yêu cầu thực tế của xã hội.

Các tiêu chí	Tỷ lệ
1) Đánh giá tốt của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo	
Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	91,66 %
Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	07,11 %
Tỷ lệ sinh viên trả lời không học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	01,23 %
2) Sinh viên có việc làm trong 3 tháng đầu tiên sau khi tốt nghiệp	62,30 %
Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo	76,66 %
Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo	23,34 %
Thu nhập bình quân/ tháng của sinh viên có việc làm	
– Dưới 4 triệu VNĐ/ tháng	11,85 %
– Từ 4 triệu đến dưới 6 triệu VNĐ/ tháng	38,98 %
– Từ 6 triệu đến dưới 8 triệu VNĐ/ tháng	32,56 %
– Trên 8 triệu VNĐ/ tháng	16,61 %

3. Giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn:

STT	Tên Giáo trình/ Sách tham khảo	Phân loại	Mã ISBN	Năm xuất bản/ công nhận
1.	Cơ học kết cấu	Giáo trình	978-604-6703549	2014
2.	Cơ sở dữ liệu nhập môn và thực hành	Giáo trình	978-604-6705611	2015
3.	Phương pháp định lượng trong quản trị	Giáo trình	978-604-6706489	2016
4.	Bài giảng nhập môn lập trình	Tài liệu tham khảo		2016
5.	Thực hành nhập môn lập trình	Tài liệu tham khảo		2016
6.	Bài giảng Kỹ thuật lập trình	Tài liệu tham khảo		2016

BÁO CÁO

V/v Thực hiện Quy chế công khai năm học 2016 - 2017

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Kế hoạch – Tài chính.

Thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn xin báo cáo tóm tắt một số nội dung chính về thực hiện Quy chế công khai năm học 2016 – 2017 như sau:

I. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

1. Cam kết chất lượng giáo dục:

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đào tạo tại một cơ sở 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh. Cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, đầy đủ đáp ứng yêu cầu đào tạo. Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý có chất lượng, nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy đại học và đặc biệt có nhiều kinh nghiệm trong thực tế sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

Chương trình đào tạo là hệ thống kiến thức lý thuyết và thực hành được thiết kế đồng bộ với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập để đảm bảo người học tích lũy được kiến thức và đạt được năng lực cần thiết đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học.

Thể hiện rõ trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể được thiết kế một cách hệ thống có sự liên thông giữa các trình độ, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng nhiệm vụ của nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

2. Chất lượng giáo dục thực tế:

Kết thúc năm học 2016 - 2017, Trường đã xét tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng và liên thông các khóa. Để có thể đánh giá khách quan về hiệu quả đào tạo, nhà trường đã thực hiện các đề tài nghiên cứu về tình hình có việc làm của sinh viên